

**BỘ CHỈ SỐ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT  
ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU, QUÁ CẢNH HÀNG HÓA**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2018/TT- BTC ngày.....tháng.....năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**Phần I. CHỈ SỐ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ DOANH NGHIỆP TUÂN THỦ  
TRONG HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU**

**Mục A. Doanh nghiệp tuân thủ mức 1 (doanh nghiệp tuân thủ ở mức độ cao)**

Tiêu chí	Chỉ số tiêu chí
<i>1</i>	<i>2</i>
<b><i>Tiêu chí số 1.</i></b> Doanh nghiệp (và/hoặc chủ doanh nghiệp, người đại diện của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật) không bị xử lý về các hành vi vi phạm tại các Mục I, Mục II, Mục III, Mục IV Phụ lục 2 Danh mục hành vi vi phạm, lỗi áp dụng trong đánh giá tuân thủ đối với doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu (sau đây gọi tắt là Danh mục hành vi) ban hành kèm theo Thông tư này, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.	Trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ thời điểm đánh giá:  1.1. Doanh nghiệp không bị khởi tố vụ án và/hoặc Chủ doanh nghiệp, Chủ tịch hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không bị khởi tố bị can về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới, sản xuất, buôn bán hàng cấm, trốn thuế, gian lận thuế, gian lận thương mại <i>chi tiết tại điểm 1 Mục I, điểm 1 Mục II Danh mục hành vi</i>  1.2. Doanh nghiệp và/ hoặc Chủ doanh nghiệp, Chủ tịch hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không bị xử phạt vi phạm hành chính về buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ qua biên giới, sản xuất,

	<p>buôn bán hàng cấm, trốn thuế, gian lận thuế, gian lận thương mại; các hành vi không chấp hành yêu cầu của cơ quan hải quan trong thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, kiểm tra sau thông quan, thanh tra; các hành vi vi phạm bị xử phạt vi phạm hành chính về hải quan, xử phạt về thuế và các xử phạt trong lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền xử phạt của cơ quan hải quan với số tiền xử phạt &gt; 5 triệu đồng <i>chi tiết tại các điểm 2, 3, 4, 5 Mục I, các điểm 2, 3, 4 Mục II, Mục III, Mục IV Danh mục hành vi</i></p> <p>1.3. Doanh nghiệp và/ hoặc Chủ doanh nghiệp, Chủ tịch hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không bị xử phạt vi phạm hành chính về buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ qua biên giới, sản xuất, buôn bán hàng cấm, trốn thuế, gian lận thuế, gian lận thương mại trong lĩnh vực hải quan do các cơ quan quản lý nhà nước khác xử lý, <i>chi tiết tại Mục I, Mục II Danh mục hành vi.</i></p>
<p><b>Tiêu chí số 2.</b> Doanh nghiệp không thuộc các trường hợp sau đây, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá:</p> <p>a) Tổng số lần bị xử phạt về các hành vi vi phạm tại Mục V Danh mục hành vi ban hành kèm theo Thông tư này <math>\geq 1\%</math> trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp;</p> <p>b) Tổng số lần bị lỗi về các hành vi tại Mục VI Danh mục hành vi ban hành</p>	<p>Trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ thời điểm đánh giá Hệ thống thông tin quản lý rủi ro không có thông tin:</p> <p>2.1. Doanh nghiệp bị xử phạt vi phạm hành chính về hải quan, xử phạt về thuế, các xử phạt trong lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền xử phạt của cơ quan hải quan với số tiền xử phạt <math>\leq 5</math> triệu đồng (<i>loại trừ các hành vi vi phạm tại Mục I, Mục II, Mục III, IV Danh mục hành vi</i>); với tổng số lần bị xử phạt vi phạm (theo quyết định xử phạt) <math>\geq 1\%</math> trên tổng số tờ khai xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.</p> <p>2.2. Doanh nghiệp có số lần bị lỗi về các hành vi tại Mục VI Danh mục hành vi, với tổng số lần lỗi <math>\geq 2\%</math> trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp.</p>

<p>kèm theo Thông tư này <math>\geq 2\%</math> trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp</p> <p>c) Số lượng tờ khai được khai bổ sung sau khi hệ thống phân luồng làm thay đổi nội dung khai hải quan về: chính sách quản lý hàng hóa; chủng loại hàng hóa; số tiền thuế phải nộp; số lượng dòng hàng; xuất xứ; số lượng hàng hóa <math>\geq 2\%</math> trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp;</p> <p>d) Số lần hủy tờ khai phải kiểm tra hồ sơ và/hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa <math>\geq 2\%</math> trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp;</p> <p>đ) Đã từng từ chối nhận hàng hóa nhập khẩu sau khi đã đăng ký tờ khai hải quan;</p>	<p>2.3 Số lượng tờ khai bổ sung sau khi hệ thống phân luồng <math>\geq 2\%</math> trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp và làm thay đổi nội dung khai hải quan, về: chính sách quản lý hàng hóa; chủng loại hàng hóa; số tiền thuế phải nộp; số lượng dòng hàng; xuất xứ; số lượng hàng hóa;</p> <p>2.4. Doanh nghiệp có số tờ khai hủy phải kiểm tra hồ sơ và/hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa <math>\geq 2\%</math> trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp;</p> <p>2.5. Đã từng từ chối nhận hàng hóa nhập khẩu sau khi đã đăng ký tờ khai hải quan;</p>
<p><b>Tiêu chí số 3.</b> Doanh nghiệp không còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt quá thời hạn 90 ngày đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, kể từ ngày hết thời hạn nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt tại thời điểm đánh giá và/hoặc chưa từng nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt quá thời hạn 90 ngày, với số tiền nợ &gt; 50 triệu đồng, đối với hàng hóa xuất</p>	<p>3.1. Doanh nghiệp không còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt quá thời hạn 90 ngày đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, kể từ ngày hết thời hạn nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt tại thời điểm đánh giá và/hoặc chưa từng nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt quá thời hạn 90 ngày, với số tiền nợ &gt; 50 triệu đồng, đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, kể từ ngày hết thời hạn nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.</p> <p>3.2. Doanh nghiệp chưa từng bị cưỡng chế thuế trong lĩnh vực quản</p>

<p>khẩu, nhập khẩu, kể từ ngày hết thời hạn nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.</p>	<p>lý của cơ quan thuế trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.</p>
<p><b>Tiêu chí số 4.</b> Doanh nghiệp đang hoạt động tại địa chỉ trụ sở đăng ký.</p>	<p>4.1. Doanh nghiệp không nằm trong danh sách doanh nghiệp không hoạt động tại địa chỉ trụ sở đăng ký theo quy định của pháp luật, địa chỉ trụ sở đăng ký của doanh nghiệp không tồn tại, doanh nghiệp đang hoạt động tại địa chỉ khác (chưa thông báo với cơ quan thuế), không đủ thông tin cơ sở kết luận về địa chỉ trụ sở đăng ký của doanh nghiệp và danh sách doanh nghiệp chưa được xác minh địa chỉ trụ sở trong thời gian 730 ngày trở về trước tính từ thời điểm đánh giá.</p>
<p><b>Tiêu chí số 5.</b> Doanh nghiệp hợp tác với cơ quan hải quan trong việc cung cấp thông tin phục vụ đánh giá tuân thủ trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.</p>	<p>5.1. Trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ thời điểm đánh giá Hệ thống thông tin quản lý rủi ro có thông tin doanh nghiệp hợp tác với cơ quan hải quan trong việc cung cấp thông tin phục vụ đánh giá tuân thủ.</p>
<p><b>Tiêu chí số 6.</b> Doanh nghiệp có thời gian hoạt động xuất nhập khẩu trên 365 ngày và có trên 365 tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa đã được thông quan trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.</p>	<p>7.1. Doanh nghiệp có tờ khai trước/tại thời điểm 365 ngày; 7.2. Doanh nghiệp có &gt; 365 tờ khai hải quan xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa được thông quan trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.</p>

**Mục B. Doanh nghiệp tuân thủ mức 2 (doanh nghiệp tuân thủ ở mức độ trung bình)**

Tiêu chí	Chỉ số tiêu chí
1	2
<p><b>Tiêu chí số 1.</b> Doanh nghiệp (và/hoặc chủ doanh nghiệp, người đại diện của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật) không bị xử lý về các hành vi vi phạm tại các Mục I, Mục II, Mục III Phụ lục 2 Danh mục hành vi vi phạm, lỗi áp dụng trong đánh giá tuân thủ đối với doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu (sau đây gọi tắt là Danh mục hành vi) ban hành kèm theo Thông tư này, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.</p>	<p>Trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ thời điểm đánh giá:</p> <p>1.1. Doanh nghiệp không bị khởi tố vụ án và/hoặc Chủ doanh nghiệp, Chủ tịch hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không bị khởi tố bị can về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới, sản xuất, buôn bán hàng cấm, trốn thuế, gian lận thuế, gian lận thương mại <i>chi tiết tại điểm 1 Mục I, điểm 1 Mục II Danh mục hành vi</i></p> <p>1.2. Doanh nghiệp và/ hoặc Chủ doanh nghiệp, Chủ tịch hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không bị xử phạt vi phạm hành chính về buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ qua biên giới, sản xuất, buôn bán hàng cấm, trốn thuế, gian lận thuế, gian lận thương mại; các hành vi không chấp hành yêu cầu của cơ quan hải quan trong thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, kiểm tra sau thông quan, thanh tra; các hành vi vi phạm bị xử phạt vi phạm hành chính về hải quan, xử phạt về thuế và các xử phạt trong lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền xử phạt của cơ quan hải quan với số tiền xử phạt &gt; 5 triệu đồng <i>chi tiết tại các điểm 2, 3, 4, 5 Mục I, các điểm 2, 3, 4 Mục II, Mục III Danh mục hành vi</i></p> <p>1.3. Doanh nghiệp và/ hoặc Chủ doanh nghiệp, Chủ tịch hội</p>

	<p>đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không bị xử phạt vi phạm hành chính về buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ qua biên giới, sản xuất, buôn bán hàng cấm, trốn thuế, gian lận thuế, gian lận thương mại trong lĩnh vực hải quan do các cơ quan quản lý nhà nước khác xử lý, <i>chi tiết tại Mục I, Mục II Danh mục hành vi.</i></p>
<p><b>Tiêu chí số 2.</b> Doanh nghiệp không thuộc các trường hợp sau đây, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Bị xử phạt <math>\geq 02</math> lần về các hành vi vi phạm tại Mục IV Danh mục hành vi ban hành kèm theo Thông tư này;</li> <li>b) Tổng số lần bị xử phạt về các hành vi vi phạm tại Mục IV và Mục V Danh mục hành vi ban hành kèm theo Thông tư này <math>\geq 2\%</math> trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp;</li> <li>c) Tổng số lần bị lỗi về các hành vi tại Mục VI Danh mục hành vi ban hành kèm theo Thông tư này <math>\geq 3\%</math> trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp</li> <li>d) Số lượng tờ khai được khai bổ sung sau khi hệ thống phân luồng làm thay đổi nội dung khai hải quan về: chính sách quản lý hàng hóa; chủng loại hàng hóa; số tiền thuế phải nộp; số lượng dòng hàng; xuất xứ; số lượng</li> </ul>	<p>Trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ thời điểm đánh giá Hệ thống thông tin quản lý rủi ro không có thông tin:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>2.1. Doanh nghiệp bị xử phạt <math>\geq 02</math> lần đối với các hành vi vi phạm hành chính về hải quan, xử phạt về thuế, các xử phạt trong lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền xử phạt của cơ quan hải quan với số tiền xử phạt <math>&gt; 5</math> triệu đồng (<i>loại trừ các hành vi vi phạm tại Mục I, Mục II, Mục III Danh mục hành vi</i>).</li> <li>2.2. Doanh nghiệp bị xử phạt vi phạm hành chính về hải quan, xử phạt về thuế, các xử phạt trong lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền xử phạt của cơ quan hải quan (<i>loại trừ các hành vi vi phạm tại Mục I, Mục II, Mục III Danh mục hành vi</i>); với tổng số lần bị xử phạt vi phạm (theo quyết định xử phạt) <math>\geq 2\%</math> trên tổng số tờ khai xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.</li> <li>2.3. Doanh nghiệp có số lần bị lỗi về các hành vi tại Mục VI Danh mục hành vi, với tổng số lần lỗi <math>\geq 3\%</math> trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp.</li> <li>2.4 Số lượng tờ khai bổ sung sau khi hệ thống phân luồng <math>\geq 3\%</math> trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp và làm thay đổi nội dung khai hải quan, về: chính sách quản lý</li> </ul>

<p>hàng hóa <math>\geq 3\%</math> trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp;</p> <p>đ) Số lần hủy tờ khai phải kiểm tra hồ sơ và/hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa <math>\geq 3\%</math> trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp;</p> <p>e) Đã từng từ chối nhận hàng hóa nhập khẩu sau khi đã đăng ký tờ khai hải quan;</p>	<p>hàng hóa; chủng loại hàng hóa; số tiền thuế phải nộp; số lượng dòng hàng; xuất xứ; số lượng hàng hóa;</p> <p>2.5. Doanh nghiệp có số tờ khai hủy phải kiểm tra hồ sơ và/hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa <math>\geq 3\%</math> trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp;</p> <p>2.6. Đã từng từ chối nhận hàng hóa nhập khẩu sau khi đã đăng ký tờ khai hải quan;</p>
<p><b>Tiêu chí số 3.</b> Doanh nghiệp không còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt quá thời hạn 90 ngày đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, kể từ ngày hết thời hạn nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt tại thời điểm đánh giá và/hoặc chưa từng nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt quá thời hạn 90 ngày, với số tiền nợ <math>&gt; 50</math> triệu đồng, đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, kể từ ngày hết thời hạn nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.</p>	<p>3.1. Doanh nghiệp không còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt quá thời hạn 90 ngày đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, kể từ ngày hết thời hạn nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt tại thời điểm đánh giá và/hoặc chưa từng nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt quá thời hạn 90 ngày, với số tiền nợ <math>&gt; 50</math> triệu đồng, đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, kể từ ngày hết thời hạn nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.</p> <p>3.2. Doanh nghiệp chưa từng bị cưỡng chế thuế trong lĩnh vực quản lý của cơ quan thuế trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.</p>
<p><b>Tiêu chí số 4.</b> Doanh nghiệp đang hoạt động tại địa chỉ trụ sở đăng ký.</p>	<p>4.1. Doanh nghiệp không nằm trong danh sách doanh nghiệp không hoạt động tại địa chỉ trụ sở đăng ký theo quy định của pháp luật, địa chỉ trụ sở đăng ký của doanh nghiệp không tồn tại, doanh nghiệp đang hoạt động tại địa chỉ khác (chưa thông báo với cơ quan thuế), không đủ thông tin cơ sở kết luận về địa chỉ trụ sở đăng ký của doanh nghiệp trong thời gian 730</p>

	ngày trở về trước tính từ thời điểm đánh giá.
<b>Tiêu chí số 5.</b> Doanh nghiệp hợp tác với cơ quan hải quan trong việc cung cấp thông tin phục vụ đánh giá tuân thủ trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.	5.1. Trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ thời điểm đánh giá Hệ thống thông tin quản lý rủi ro có thông tin doanh nghiệp hợp tác với cơ quan hải quan trong việc cung cấp thông tin phục vụ đánh giá tuân thủ
<b>Tiêu chí số 6.</b> Doanh nghiệp có thời gian hoạt động xuất nhập khẩu trên 365 ngày và có trên 100 tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa đã được thông quan trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.	7.1. Doanh nghiệp có tờ khai trước/tại thời điểm 365 ngày; 7.2. Doanh nghiệp có > 100 tờ khai hải quan xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa được thông quan trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.



**Mục C. Doanh nghiệp tuân thủ mức 3 (doanh nghiệp tuân thủ ở mức độ thấp)**

Tiêu chí	Chỉ số tiêu chí
<i>1</i>	<i>2</i>
<p><b><i>Tiêu chí số 1.</i></b> Doanh nghiệp (và/hoặc chủ doanh nghiệp, người đại diện của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật) không bị xử lý về các hành vi vi phạm tại các Mục I, Mục II, Mục III Phụ lục 2 Danh mục hành vi vi phạm, lỗi áp dụng trong đánh giá tuân thủ đối với doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu (sau đây gọi tắt là Danh mục hành vi) ban hành kèm theo Thông tư này, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.</p>	<p>Trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ thời điểm đánh giá:</p> <p>1.1. Doanh nghiệp không bị khởi tố vụ án và/hoặc Chủ doanh nghiệp, Chủ tịch hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không bị khởi tố bị can về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới, sản xuất, buôn bán hàng cấm, trốn thuế, gian lận thuế, gian lận thương mại <i>chi tiết tại điểm 1 Mục I, điểm 1 Mục II Danh mục hành vi</i></p> <p>1.2. Doanh nghiệp và/ hoặc Chủ doanh nghiệp, Chủ tịch hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không bị xử phạt vi phạm hành chính về buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ qua biên giới, sản xuất, buôn bán hàng cấm, trốn thuế, gian lận thuế, gian lận thương mại, <i>chi tiết tại các điểm 2, 3, 4, 5 Mục I, các điểm 2, 3, 4 Mục II, Mục III Danh mục hành vi.</i></p> <p>1.3. Doanh nghiệp và/ hoặc Chủ doanh nghiệp, Chủ tịch hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không bị xử phạt vi phạm hành chính về buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ qua biên giới, sản xuất, buôn bán hàng cấm, trốn thuế, gian lận thuế, gian lận thương mại trong lĩnh vực hải quan do các cơ quan quản lý nhà nước khác xử lý, <i>chi tiết tại Mục I, Mục II Danh mục</i></p>

	<i>hành vi.</i>
<p><b>Tiêu chí số 2.</b> Doanh nghiệp không thuộc một trong các trường hợp sau đây, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá:</p> <p>a) Bị xử phạt <math>\geq 03</math> lần về các hành vi vi phạm tại Mục IV Danh mục hành vi ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>b) Tổng số lần bị xử phạt về các hành vi vi phạm tại Mục IV và Mục V Danh mục hành vi ban hành kèm theo Thông tư này <math>\geq 3\%</math> trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp;</p> <p>c) Tổng số lần bị lỗi về các hành vi tại Mục VI Danh mục hành vi ban hành kèm theo Thông tư này <math>\geq 4\%</math> trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp;</p> <p>d) Số lượng tờ khai được khai bổ sung sau khi hệ thống phân luồng làm thay đổi nội dung khai hải quan về: chính sách quản lý hàng hóa; chủng loại hàng hóa; số tiền thuế phải nộp; số lượng dòng hàng; xuất xứ; số lượng hàng hóa <math>\geq 4\%</math> trên tổng số tờ khai đã thông quan của</p>	<p>Trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ thời điểm đánh giá Hệ thống thông tin quản lý rủi ro không có thông tin:</p> <p>2.1. Doanh nghiệp bị xử phạt <math>\geq 03</math> lần đối với các hành vi vi phạm hành chính về hải quan, xử phạt về thuế, các xử phạt trong lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền xử phạt của cơ quan hải quan với số tiền xử phạt <math>&gt; 5</math> triệu đồng (<i>loại trừ các hành vi vi phạm tại Mục I, Mục II, Mục III Danh mục hành vi</i>)</p> <p>2.2. Doanh nghiệp bị xử phạt vi phạm hành chính về hải quan, xử phạt về thuế, các xử phạt trong lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền xử phạt của cơ quan hải quan (<i>loại trừ các hành vi vi phạm tại Mục I, Mục II, Mục III Danh mục hành vi</i>); với tổng số lần bị xử phạt vi phạm (theo quyết định xử phạt) <math>\geq 3\%</math> trên tổng số tờ khai xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.</p> <p>2.3. Doanh nghiệp có số lần bị lỗi về các hành vi tại Mục VI Danh mục hành vi, với tổng số lần lỗi <math>\geq 4\%</math> trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp.</p> <p>2.4. Số lượng tờ khai bổ sung sau khi hệ thống phân luồng <math>\geq 4\%</math> trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp và làm thay đổi nội dung khai hải quan, về: chính sách quản lý hàng hóa; chủng loại hàng hóa; số tiền thuế phải nộp; số lượng dòng hàng; xuất xứ; số lượng hàng hóa;</p> <p>2.5. Doanh nghiệp có số tờ khai hủy phải kiểm tra hồ sơ và/hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa <math>\geq 4\%</math> trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp;</p>

doanh nghiệp; đ) Số lần hủy tờ khai phải kiểm tra hồ sơ và/hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa $\geq 4\%$ trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp;	
<b>Tiêu chí số 3.</b> Doanh nghiệp không còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt quá thời hạn 90 ngày đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, kể từ ngày hết thời hạn nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt tại thời điểm đánh giá.	3.1. Doanh nghiệp không còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt quá thời hạn 90 ngày đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, kể từ ngày hết thời hạn nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt tại thời điểm đánh giá
<b>Tiêu chí số 4.</b> Doanh nghiệp đang hoạt động tại địa chỉ trụ sở đăng ký.	4.1. Doanh nghiệp không nằm trong danh sách doanh nghiệp không hoạt động tại địa chỉ trụ sở đăng ký theo quy định của pháp luật, địa chỉ trụ sở đăng ký của doanh nghiệp không tồn tại trong thời gian 730 ngày trở về trước tính từ thời điểm đánh giá.
<b>Tiêu chí số 5.</b> Doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa trước thời điểm đánh giá.	5.1. Doanh nghiệp có $\geq 01$ tờ khai hải quan xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa được thông quan trước thời điểm đánh giá.

**Phần II. CHỈ SỐ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ DOANH NGHIỆP KHÔNG TUÂN THỦ  
TRONG HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU**

Tiêu chí	Chỉ số tiêu chí
1	2
<p><b>Tiêu chí số 1.</b> Doanh nghiệp (và/hoặc chủ doanh nghiệp, người đại diện của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật) bị xử lý về các hành vi vi phạm tại các Mục I, Mục II, Mục III Danh mục hành vi vi phạm, lỗi áp dụng trong đánh giá tuân thủ đối với doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu (sau đây gọi tắt là Danh mục hành vi) ban hành kèm theo Thông tư này, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.</p>	<p>Trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ thời điểm đánh giá:</p> <p>1.1. Doanh nghiệp bị khởi tố vụ án và/hoặc Chủ doanh nghiệp, Chủ tịch hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không bị khởi tố bị can về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới, sản xuất, buôn bán hàng cấm, trốn thuế, gian lận thuế, gian lận thương mại <i>chi tiết tại điểm 1 Mục I, điểm 1 Mục II Danh mục hành vi</i></p> <p>1.2. Doanh nghiệp và/ hoặc Chủ doanh nghiệp, Chủ tịch hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bị xử phạt vi phạm hành chính về buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ qua biên giới, sản xuất, buôn bán hàng cấm, trốn thuế, gian lận thuế, gian lận thương mại, <i>chi tiết tại các điểm 2, 3, 4, 5 Mục I, các điểm 2, 3, 4 Mục II, Mục III Danh mục hành vi.</i></p> <p>1.3. Doanh nghiệp và/ hoặc Chủ doanh nghiệp, Chủ tịch hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không bị xử phạt vi phạm hành chính về buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ qua biên giới, sản xuất, buôn bán hàng cấm, trốn thuế, gian lận thuế, gian lận thương mại trong lĩnh vực hải quan do các cơ quan quản lý nhà nước khác xử lý, <i>chi tiết tại Mục I, Mục II Danh mục hành vi.</i></p>

**Tiêu chí số 2.** Doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp sau đây, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá:

- a) Bị xử phạt  $\geq 03$  lần về các hành vi vi phạm tại Mục IV Danh mục hành vi ban hành kèm theo Thông tư này;
- b) Tổng số lần bị xử phạt về các hành vi vi phạm tại Mục IV và Mục V Danh mục hành vi ban hành kèm theo Thông tư này  $\geq 3\%$  trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp;
- c) Tổng số lần bị lỗi về các hành vi tại Mục VI Danh mục hành vi ban hành kèm theo Thông tư này  $\geq 4\%$  trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp;
- d) Số lượng tờ khai được khai bổ sung sau khi hệ thống phân luồng làm thay đổi nội dung khai hải quan về: chính sách quản lý hàng hóa; chủng loại hàng hóa; số tiền thuế phải nộp; số lượng dòng hàng; xuất xứ; số lượng hàng hóa  $\geq 4\%$  trên tổng số tờ khai đã

Trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ thời điểm đánh giá Hệ thống thông tin quản lý rủi ro có thông tin:

2.1. Doanh nghiệp bị xử phạt  $\geq 03$  lần đối với các hành vi vi phạm hành chính về hải quan, xử phạt về thuế, các xử phạt trong lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền xử phạt của cơ quan hải quan với số tiền xử phạt  $> 5$  triệu đồng (*loại trừ các hành vi vi phạm tại Mục I, Mục II, Mục III Danh mục hành vi*)

2.2. Doanh nghiệp bị xử phạt vi phạm hành chính về hải quan, xử phạt về thuế, các xử phạt trong lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền xử phạt của cơ quan hải quan (*loại trừ các hành vi vi phạm tại Mục I, Mục II, Mục III Danh mục hành vi*); với tổng số lần bị xử phạt vi phạm (theo quyết định xử phạt)  $\geq 3\%$  trên tổng số tờ khai xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

2.3. Doanh nghiệp có số lần bị lỗi về các hành vi tại Mục VI Danh mục hành vi, với tổng số lần lỗi  $\geq 4\%$  trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp.

2.4. Số lượng tờ khai bổ sung sau khi hệ thống phân luồng  $\geq 4\%$  trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp và làm thay đổi nội dung khai hải quan, về: chính sách quản lý hàng hóa; chủng loại hàng hóa; số tiền thuế phải nộp; số lượng dòng hàng; xuất xứ; số lượng hàng hóa;

2.5. Doanh nghiệp có số tờ khai hủy phải kiểm tra hồ sơ và/hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa  $\geq 4\%$  trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp;

<p>thông quan của doanh nghiệp;</p> <p>đ) Số lần hủy tờ khai phải kiểm tra hồ sơ và/hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa <math>\geq</math> 4% trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp;</p>	
<p><b>Tiêu chí số 3.</b> Doanh nghiệp còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt quá thời hạn 90 ngày đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, kể từ ngày hết thời hạn nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt tại thời điểm đánh giá.</p>	<p>3.1. Doanh nghiệp còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt quá thời hạn 90 ngày đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, kể từ ngày hết thời hạn nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt tại thời điểm đánh giá</p>
<p><b>Tiêu chí số 4.</b> Doanh nghiệp không hoạt động tại địa chỉ trụ sở đăng ký.</p>	<p>4.1. Doanh nghiệp nằm trong danh sách doanh nghiệp không hoạt động tại địa chỉ trụ sở đăng ký theo quy định của pháp luật, địa chỉ trụ sở đăng ký của doanh nghiệp không tồn tại trong thời gian 730 ngày trở về trước tính từ thời điểm đánh giá.</p>